TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày: 20/02/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng thi công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Gái.
2. Ông Võ Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Phan Trọng Tường - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2018/TLST-DS, ngày 16 tháng 07 năm 2018 về "Tranh chấp Hợp đồng Thi công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS, ngày 24 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần E.

Địa chỉ: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Công Th (Xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T.

Địa chỉ: Chung cư E, đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 27/6/2018, bản tự khai ngày 09/8/2018, Biên bản không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Đại diện ủy quyền của Nguyên đơn trình bày: Ngày 11/12/2017 Công ty Cổ phần E (gọi tắt là Công ty E) có ký hợp đồng thi công nội thất với bà Nguyễn Thị Thanh T. Thi công hoàn thiện nội thất căn hộ tọa lạc tại địa chỉ căn hộ 3B.09.02 Chung cư Estella, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị hợp đồng là 367.250.000 đồng. Thời gian thực hiện hợp đồng là 20 ngày tính từ ngày phía bên Công ty E nhận được tiền đợt 1 (190.000.000 đồng vào ngày 11/12/2017) hoặc ngày công ty nhận được mặt bằng bên bà T giao.

Quá trình thực hiện hợp đồng bên Công ty E đã thực hiện thi công hoàn thiện xong nội thất cho căn hộ của bà T, nhưng phía bà T chỉ mới thanh toán cho Công ty E số tiền 290.000.000 đồng. Số tiền còn thiếu là 77.250.000 đồng.

Công ty E yêu cầu Tòa án buộc bà T phải hoàn trả tổng số nợ còn thiếu là 77.250.000 đồng (tiền gốc) và yêu cầu tiền lãi tính theo lãi suất chậm thanh toán là 10,65%/năm từ 12/02/2018 cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị Thanh T mặc dù đã được Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Công ty E yêu cầu Tòa án buộc bà T phải hoàn trả tổng số nợ còn thiếu là 77.250.000 đồng (tiền gốc) và yêu cầu tiền lãi tính theo lãi suất chậm thanh toán là 10,65%/năm từ 12/02/2018 cho đến khi thanh toán xong. Bị đơn - bà Nguyễn Thị Thanh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu: Các trình tự, thủ tục đều tuân thủ quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Công ty E khởi kiện bị đơn - bà Nguyễn Thị Thanh T tranh chấp hợp đồng thi công, bị đơn cư trú tại Quận 2. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn - Công ty E có ông Lê Công Th là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt. Bị đơn - bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt không lý do. Tòa án nhân dân Quận 2 đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Thanh T. Nhưng tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về thời hiệu do hai bên đương sự không ai yêu cầu tòa án xem xét về thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Công ty E yêu cầu Tòa án buộc bà T phải hoàn trả tổng số nợ còn thiếu là 77.250.000 đồng (tiền gốc) và yêu cầu tiền lãi tính theo lãi suất chậm thanh toán là 10,65%/năm từ 12/02/2018 cho đến khi thanh toán xong.

Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có cơ sở xác định, ngày 11/12/2017 Công ty E có ký hợp đồng thi công nội thất với bà Nguyễn Thị Thanh T. Thi công hoàn thiện nội thất căn hộ tọa lạc tại địa chỉ Chung cư E, đườngA, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí

Minh. Giá trị hợp đồng là 367.250.000 đồng. Thời gian thực hiện hợp đồng là 20 ngày tính từ ngày phía bên Công ty E nhận được tiền đợt 1 (190.000.000 đồng vào ngày 11/12/2017) hoặc ngày công ty nhận được mặt bằng bên bà T giao.

Quá trình thực hiện hợp đồng bên Công ty E đã thực hiện thi công hoàn thiện xong nội thất cho căn hộ của bà T, nhưng phía bà T chỉ mới thanh toán cho Công ty E số tiền 290.000.000 đồng. Số tiền còn thiếu là 77.250.000 đồng. Công ty E yêu cầu Tòa án buộc bà T phải hoàn trả tổng số nợ còn thiếu là 77.250.000 đồng (tiền gốc) và yêu cầu tiền lãi tính theo lãi suất chậm thanh toán là 10,65%/năm từ 12/02/2018 cho đến khi thanh toán xong.

Xét thấy tại Giấy đề nghị thanh toán ngày 22/01/2018 và 25/01/2018 của Công ty Cổ phần E thì số tiền bà T còn thiếu công ty là 77.250.000 đồng, tuy nhiên do bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Công ty Cổ phần E khởi kiện yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay phía bà T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tòa án niêm yết hợp lệ. Do bị đơn vắng mặt nên không có lời khai và không có chứng cứ chứng minh đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền còn thiếu đã thanh toán hay chưa thanh toán. Do vậy nếu bà T có chứng cứ chứng minh số tiền còn thiếu đã thanh toán trước ngày xét xử sơ thẩm thì dành quyền cho bà T khởi kiện vụ án dân sự khi có yêu cầu.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn - Công ty Cổ phần E yêu cầu bà T thanh toán số tiền còn nợ là: 77.250.000 đồng (tiền gốc) và yêu cầu tiền lãi tính theo lãi suất chậm thanh toán là 10,65%/năm từ 12/02/2018 cho đến khi thanh toán xong, xét thấy Tòa án chỉ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 20/02/2019 là 12 tháng 09 ngày, lãi suất được tính là 8.429.985 đồng. Yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 195, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 131, khoản 1 Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Căn cứ điều 306 Luật Thương Mại;
- Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần E: Buộc Bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần E: số tiền nợ gốc là 77.250.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng*) và tiền lãi là 8.429.985 đồng (*Tám triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm tám*

mươi lăm đồng). Tổng cộng số tiền phải trả là 85.679.985 đồng (*Tám mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi lăm đồng*), thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành theo qui định pháp luật.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 4.283.999 đồng (*Bốn triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng*), bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu. Bà T chưa nộp tiền án phí.

Hoàn cho Công ty Cổ phần E số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) theo Biên lai thu số AA/2017/0015368 do Chi cục thi hành án phí phải chịu án dân sự Quận 2 lập ngày 16/7/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Yến